

Bản án số: 04/2019/HS-PT
Ngày 08-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến;

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn;

Ông Chu Long Kiềm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 157/2018/TLPT-HS ngày 11 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn N, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 83/2018/HS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

Nguyễn Văn N, sinh ngày 04/3/1976 tại huyện T, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn U, xã B, huyện T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Ngọc A (đã chết) và bà: Nguyễn Thị D; có vợ tên Lê Thị H; có 03 con, con lớn 22 tuổi, con nhỏ 07 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 17/5/2018 đến nay. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Trần Văn Toàn và ông Lê Văn Đài, Luật sư Văn phòng luật sư Khánh Hưng, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N. Ông Trần Văn Toàn, có mặt.

- **Người làm chứng:** anh Vũ Văn Q, anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị D, anh Hoàng Văn C. Đều có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có 02 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 10 phút ngày 06/4/2018 tại Trạm kiểm soát liên hợp Q thuộc địa phận thôn P, xã X, huyện L, tỉnh S, tổ công tác Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Trạm kiểm soát liên hợp Q tiến hành kiểm tra xe ô tô khách, biển kiểm soát: 29B- *****, phát hiện trên xe có 01 người đàn ông dắt theo 01 cháu bé khoảng 03 tuổi có biểu hiện nghi vấn hoạt động tội phạm ma túy. Tiến hành kiểm tra thấy trong túi quần phía sau đang mặc của người này có 01 túi nilon màu trắng, bên trong có 10 gói giấy có chứa chất bột màu trắng dạng cục. Người này khai nhận họ tên: Nguyễn Văn B, sinh năm 1987, trú tại: Thôn M, xã K, huyện M, tỉnh Y, chất bột màu trắng dạng cục là ma túy hêrôin, B được Vũ Văn Q thuê bỏ lên xe ô tô Biển kiểm soát: 29B- *****, tiền công thỏa thuận 5.000.000 đồng, nhưng B chưa kịp làm thì bị phát hiện, bắt quả tang. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Bản kết luận giám định số: 144/KL- PC54 ngày 09/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn xác định: Chất bột màu trắng dạng cục đựng trong 10 gói giấy nhỏ gửi giám định đều là chất ma túy hêrôin, có tổng khối lượng: 1,534gam (đã trừ bì).

Căn cứ lời khai của Nguyễn Văn B, tài liệu chứng cứ thu thập được, cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành bắt, khám xét khẩn cấp nơi ở của Vũ Văn Q, sinh năm 1984 tại thôn M, xã K, huyện M, tỉnh Y. Qua khám xét thu giữ: 03 điện thoại di động và 40.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Xác định hành vi của Nguyễn Văn B, Vũ Văn Q thực hiện có dấu hiệu tội phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra lệnh tạm giam đối với B, Q. Xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền điều tra của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã có quyết định chuyển vụ án hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã có quyết định chuyển vụ án, bị can, vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn để điều tra theo thẩm quyền.

Sau khi điều tra, xác minh, củng cố tài liệu chứng cứ, ngày 17/5/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã khởi tố bị can, ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Văn N để điều tra làm rõ.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Vũ Văn Q và Nguyễn Văn B khai như sau: Vũ Văn Q làm nghề lái xe khách, loại xe 16 chỗ ngồi, Biển kiểm soát 29V - **** chạy tuyến H - H. Năm 2017 Q quen với Nguyễn Văn N, cùng làm nghề lái xe khách loại xe 16 chỗ ngồi, Biển kiểm soát: 29B - ***** chạy tuyến T - H. Sau một thời gian quen biết và trở nên thân thiết Q được N giới thiệu mỗi chở hàng thủ công mỹ nghệ từ các huyện T, O thành phố H lên cửa khẩu H cùng với N. Khoảng cuối năm 2017 N và Q phát sinh mâu thuẫn trong việc cạnh tranh chở hàng thủ công mỹ nghệ với nhà xe Nguyễn Thị D, sinh năm

1981 ở cùng thôn với N, là chủ xe ô tô khách loại 16 chỗ ngồi, Biển kiểm soát: 29B-***** chạy tuyến B – H. Trong các ngày 19/3/2018 và ngày 25/3/2018 N nhắn tin cho Q số điện thoại 0165***** của D để nhờ Q gọi điện đe dọa D không được chở hàng. Q sau đó đã gọi điện đe dọa D không được tranh chở hàng với N 02 lần nhưng không có kết quả. Vào cuối tháng 3 năm 2018 N chủ động gọi điện thoại cho Q để bàn bạc tìm cách hãm hại D. Sau khi bàn bạc cả hai thống nhất sẽ mua ma túy thuê người bỏ lên xe ô tô của D, rồi báo cơ quan chức năng bắt để xe của D bị dừng hoạt động một thời gian. N và Q sẽ lấy lại nguồn hàng để chở.

Đầu tháng 4 năm 2018, tại khu vực R, Cửa khẩu H, huyện V, tỉnh S, N đưa cho Q 3.000.000 đồng để Q đi mua ma túy. Ngày 03/4/2018 Q đi dò hỏi mua 2.800.000 đồng được 08 gói ma túy hêrôin của một người phụ nữ không rõ tên tuổi, địa chỉ tại khu vực T, huyện M, tỉnh H. Sau khi mua được ma túy Q gọi điện thông báo cho N thì N bảo Q chủ động tìm thuê người bỏ ma túy lên xe ô tô của D. Ngày 04/4/2018 khi N đến nhà Q ăn cơm tối, Q đã lấy số ma túy vừa mua được ra cho N xem, cả hai tiếp tục bàn bạc về việc thuê người bỏ ma túy lên xe của D. Khoảng 17 giờ ngày 05/4/2018 Q gọi điện cho B là người quen ở cùng thôn với Q, được Q đặt vấn đề thuê B bỏ ma túy lên xe ô tô của D, thỏa thuận khi xong việc sẽ trả công cho B 5.000.000 đồng, B đồng ý. Sau đó Q gọi điện thông báo cho N đã thuê được người. N bảo Q ngày 06/4/2018 sẽ thực hiện việc bỏ ma túy lên xe của D, N hẹn Q ngày 06/4/2018 đón N khi xe của Q đến cây xăng thuộc xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Khoảng 05 giờ sáng ngày 06/4/2018, Q mang theo 08 gói ma túy điều khiển xe ô tô Biển kiểm soát: 29V-**** sang đón B tại nhà B, B đưa con gái là Nguyễn Ngọc A đi cùng. Đi được một đoạn đường Q nói chuyện lý do thuê B bỏ ma túy lên xe của D là do mâu thuẫn trong việc chở hàng giữa N, Q với D. Trong quá trình di chuyển xe lên cửa khẩu T tỉnh S, Q có đón một số khách lên xe. Khi xe đến khu vực cây xăng T, huyện H, Q đón N lên xe như đã hẹn. Sau khi N lên xe Q giới thiệu B và N với nhau, khi đó B ngồi ở ghế phụ cạnh ghế lái Q đang ngồi, còn N ngồi hàng ghế thứ hai ngay sau B. Khi xe đến địa phận M, huyện C, tỉnh S thì người khách cuối cùng xuống xe. Trong quá trình di chuyển từ M, huyện C lên thành phố S cả ba tiếp tục bàn bạc cách bỏ ma túy lên xe ô tô của D. N, Q nói với B sau khi lên cửa khẩu H sẽ đưa ma túy cho B để B bỏ lên xe của D. Q bảo B khi lên xe của D thì lấy dao lam rạch ghế ngồi nhét ma túy vào đó rồi xuống xe gọi điện cho Q biết để Q báo cơ quan chức năng tỉnh B hoặc tỉnh N chặn bắt xe của D. N nói với B là chỉ cần cài ma túy vào khe hở của ghế ngồi là được.

Khi xe đến khu vực ngã ba đường B, thành phố S, thì Q dừng xe để ăn sáng. Tại đây N đưa cho Q 5.000.000 đồng để sau khi xong việc thì trả công cho B. Sau đó cả ba tiếp tục đi lên H, khi xe đến khu vực gần cây xăng M, huyện V, tỉnh S, Q dừng xe lấy ra một ít ma túy hêrôin từ 08 gói ra đưa cho B để sử dụng, sau đó Q gói lại và đưa tất cả số ma túy còn lại cho B. Thấy vậy N bảo B xẻ từ 08 gói ma túy ra 02 gói nữa cho tròn 10 gói, B trả lời sẽ xẻ sau. Khi Q điều khiển xe đến khu vực ngã tư chợ ba tầng cửa khẩu H thì gặp xe ô tô Biển kiểm soát: 29B-069.69 của D, Q và N cùng chỉ xe, đọc biển số xe của D cho B biết. Sau đó N xuống xe, còn Q

chở B và con gái lên chợ G, cửa khẩu H. Tại đây B lấy số ma túy Q đã sẻ ra trước đó cùng Q sử dụng. Sau khi sử dụng số ma túy xong Q đưa cho B số tiền 5.000.000 đồng, B cầm 1.000.000 đồng và nói sau khi xong việc sẽ tính. Sau đó B đưa con gái đi chơi trong khu vực chợ S1, được một lúc thì rẽ vào một quán tạp hóa ở gần chợ mua 01 quyển vở ô ly. Sau đó B vào phòng vệ sinh của chợ S1 xé từ quyển vở ra 02 mảnh giấy, xé từ 08 gói ma túy ra thành 10 gói rồi cất vào túi quần đằng sau đang mặc. Khoảng 13 giờ cùng ngày, B cùng con gái lên xe ô tô Biển kiểm soát 29B-**** của D. Sau khi lên xe B gọi điện thông báo cho Q biết. Do có người khách ngồi ở bên cạnh nên B chưa dám cài ma túy vào khe ghế ngồi như đã bàn bạc trước đó. Khi xe của D đến Trạm kiểm soát Liên hợp Q thì B bị kiểm tra, phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

Khoảng 01 giờ sau khi B gọi điện thông báo cho Q đã lên xe của D, Q gọi cho B nhưng B không nghe máy. Do lo lắng B không thực hiện được việc bỏ ma túy lên xe của D, N và Q liên tục gọi điện, nhắn tin trao đổi với nhau. 16 giờ 32 phút ngày 06/4/2018 N nhắn tin cho Q xin số điện thoại của B, ngay sau đó Q nhắn số điện thoại của B cho N. Vào lúc 16 giờ 35 phút ngày 06/4/2018 N gọi điện cho B nhưng B không nghe máy. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày Q bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn bắt giữ. Đến ngày 17/5/2018 N bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn bắt giữ.

Với nội dung vụ án nêu trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 83/2018/HS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 250; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội Vận chuyển trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 03 năm tù. Thời hạn bị cáo chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/5/2018.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Ngoài ra bản án còn tuyên về phần tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn B, Vũ Văn Q; phần xử lý vật chứng; án phí và Q kháng cáo đối với các bị cáo.

Ngày 16/11/2018 bị cáo Nguyễn Văn N kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn N đã nhận ra hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, xin được giảm nhẹ hình phạt. Đồng thời bị cáo cung cấp biên lai nộp số tiền 5.000.000 đồng là tiền hình phạt bổ sung và 01 (một) đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình có xác nhận của chính Q địa phương nơi bị cáo cư trú.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N làm trong hạn luật định nên hợp lệ. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, do đó mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, thành khẩn nhận tội và xin thay đổi nội dung kháng cáo, xin được giảm nhẹ hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận thay đổi

nội dung kháng cáo của bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Xử sửa bản án hình sự sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo theo quy định của pháp luật. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Văn N mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, sớm được về đoàn tụ cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn N, đề nghị từ chối người bào chữa cho bị cáo. Luật sư Trần Văn Toàn - Văn phòng luật sư Khánh Hưng, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội cũng nhất trí. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc từ chối người bào chữa của bị cáo được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 77 Bộ luật Tố tụng hình sự và được ghi nhận trong biên bản phiên tòa.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn N không nhận tội. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử bị cáo Nguyễn Văn N về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 250 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn N, thành khẩn khai nhận tội và xin thay đổi nội dung kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn N, Hội đồng xét xử thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng về nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn N, vì bị cáo không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải mà cho rằng bị oan. Bởi vậy, bị cáo không được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là có cơ sở. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo đã thay đổi, bổ sung kháng cáo, thành khẩn khai nhận tội và thừa nhận bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan, nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đồng thời bị cáo đã cung cấp biên lai nộp tiền 5.000.000đồng là hình phạt bổ sung của bản án sơ thẩm đã tuyên và 01 (một) đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình có xác nhận của chính Q địa phương nơi bị cáo cư trú. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật,

mà yên tâm cải tạo sớm hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Sửa phần hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm. Việc sửa án sơ thẩm là do có tình tiết mới.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Đối với hình phạt bổ sung. Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn N đã nộp đủ số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm. Đối với án phí hình sự phúc thẩm. Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 83/2018/HS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn N, cụ thể:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N, phạm tội Vận chuyển trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N, 02 (hai) năm tù về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2018.

2. Về hình phạt bổ sung: Xác nhận bị cáo đã nộp đủ số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai số AA/2015/0004198 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

3. Về án phí: Căn cứ điểm a, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 08/01/2019).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh Lạng Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa hình sự, HCTP,
KTNV&THA.

Cao Đức Chiến